



CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

----- \*\*\* -----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Ngày 22 tháng 06 năm 2026

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
8h00-8h45	Đăng ký danh sách Cổ đông tham dự Đại hội	Ban Tổ chức
8h45-9h00	- Diễn văn khai mạc Đại hội - Giới thiệu Đại biểu	Ban Tổ chức (Mr Hải)
9h00-9h15	Báo cáo xác nhận Cổ đông tham dự Đại hội	Ban Tổ chức (Mr Dũng)
9h15-9h25	- Giới thiệu Chủ tọa Đại hội - Chủ tọa Đại hội chỉ định Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu - Thông qua chương trình Đại hội	Ban Tổ chức (Mr Hải) TV PT HĐQT
9h25-9h30	Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông	Ban Tổ chức (Mr Hải)
9h30-9h50	Báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và KH SXKD năm 2026	Kế toán trưởng
9h50-10h10	Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2025 và chương trình công tác năm 2026	TV PT HĐQT
10h10-10h20	Báo cáo của BKS về việc thẩm định hoạt động SXKD năm 2025 và chương trình công tác năm 2026	Trưởng BKS
10h20-10h25	- Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty - Tờ trình phê duyệt giá trị quyết toán HĐ số 01 Dự án NMNĐ Sông Hậu 1 và HĐ số 52 Dự án NMNĐ Thái Bình 2	(Ms Hương)
10h25-10h35	- Tờ trình thông qua báo cáo quyết toán 2025 - Tờ trình thông qua quyết toán mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và phương án chi trả thù lao năm 2026 - Tờ trình phương án lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2026	Kế toán trưởng
10h35-11h15	Đại hội thảo luận	Chủ tọa đại hội
11h15-11h25	Biểu quyết thông qua các nội dung	Chủ tọa đại hội Ban KP (Mr Dũng)
11h25-11h40	Nghỉ giải lao	
11h40-10h50	Công bố kết quả biểu quyết thông qua các nội dung	Ban KP (Mr Dũng)
11h50-12h00	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội	Chủ tọa đại hội Thư ký Đại hội
12h00-12h05	Bế mạc Đại hội	Ban Tổ chức (Mr Hải)



**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

**Căn cứ:**

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Công ty Cổ phần SDP;

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1: Phạm vi áp dụng**

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (ĐHĐCĐ) của Công ty Cổ phần SDP (Công ty).

**Điều 2:** Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

**Điều 3:** Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Chương II**  
**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

**Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội**

4.1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu SDP theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 15/5/2026 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp;
- Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu;
- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

*(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì Giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó).*

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông đến dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) (ghi mã cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết/bầu cử của cổ đông đó). Giá trị của Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) mà cổ đông đến dự Đại hội tương ứng với tỷ lệ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu

hoặc được ủy quyền theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- b. Cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.
- c. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào Phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban Thư ký Đại hội.
- d. Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.
- e. Cổ đông tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.
- f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Thành viên phụ trách, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
- g. Cổ đông đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

#### **Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Thành viên phụ trách**

- 5.1. Thành viên phụ trách Hội đồng Quản trị (HDQT) là Chủ tọa cuộc họp.
- 5.2. Đoàn Thành viên phụ trách được thông qua tại Đại hội, có nhiệm vụ:
  - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự, phần ảnh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
  - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận;
  - c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;
  - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

#### **Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội**

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự ĐHCĐ do Thành viên phụ trách HDQT Công ty quyết định thành lập. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông nhận giấy tờ của cổ đông đến họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại thời điểm ngày 15/5/2026; Phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có); Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

#### **Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội**

- 7.1. Chủ tọa giới thiệu Ban Thư ký Đại hội và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- 7.2. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:
  - a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội;
  - b. Hỗ trợ Đoàn Thành viên phụ trách công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Thành viên phụ trách gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
  - c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông.

#### **Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu**

- 8.1. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- 8.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
  - a. Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử;
  - b. Giám sát việc biểu quyết/bầu cử của các cổ đông tại Đại hội;
  - c. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết/bầu cử theo từng nội dung;
  - d. Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả biểu quyết/bầu cử trước Đại hội.

### **Chương III** **TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

#### **Điều 9: Điều kiện tiến hành Đại hội**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty Cổ phần SDP do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 15/5/2026.

#### **Điều 10: Trật tự của Đại hội**

- 10.1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề.
- 10.2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định. Tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban tổ chức Đại hội.
- 10.3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- 10.4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.

#### **Điều 11: Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội**

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng THẺ BIỂU QUYẾT, PHIẾU BIỂU QUYẾT theo số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu và/hoặc được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp 01 THẺ BIỂU QUYẾT, 01 PHIẾU BIỂU QUYẾT, 01 PHIẾU BẦU HĐQT (nếu có) và 01 PHIẾU BẦU BKS (nếu có) trong đó ghi: Mã Cổ đông; Số cổ phần có quyền biểu quyết/bầu cử (sở hữu/đại diện sở hữu và/hoặc được ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty.

Cổ đông biểu quyết một vấn đề bằng cách giơ THẺ BIỂU QUYẾT, tích vào PHIẾU BIỂU QUYẾT để biểu quyết theo các nội dung sau: Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến hoặc ghi số quyền bầu cử vào PHIẾU BẦU CỬ (nếu có).

- 11.1. **THẺ BIỂU QUYẾT:** được in trên giấy màu trắng, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:
  - a. Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;
  - b. Thành phần Đoàn Thành viên phụ trách Đại hội;
  - c. Chương trình Đại hội;
  - d. Thành phần Ban Thư ký Đại hội và Ban Kiểm phiếu;
  - e. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Các vấn đề khác (nếu có).
- 11.2. **PHIẾU BIỂU QUYẾT:** được in trên giấy màu vàng, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:
  - a. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026;
  - b. Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025, Chương trình công tác năm 2026;
  - c. Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2025, Chương trình công tác năm 2026;
  - d. Báo cáo quyết toán năm 2025;
  - e. Sửa đổi Điều lệ Công ty;





Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2026

**BÁO CÁO****KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025  
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026****PHẦN I****KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2025**

Trong năm 2025 Công ty vừa qua chủ yếu tập trung vào việc thực hiện quyết toán Dự án NMNĐ Sông Hậu 1, NMNĐ Thái Bình 2; thu hồi công nợ khách hàng và xử lý công nợ xấu với BIDV Hà Đông,... Công ty cố gắng để phù hợp thích ứng với hoàn cảnh thực tế để duy trì hoạt động của Đơn vị.

Trong năm 2025 Công ty đã đạt được kết quả các chỉ tiêu năm 2025 như sau:

**I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT
1	<b>Tổng giá trị SXKD</b>	10 <sup>6</sup>	<b>5.034</b>	<b>7.784</b>	<b>155</b>
+	Xây lắp	10 <sup>6</sup>	2.700	4.499	167
+	Thương mại (kinh doanh vật tư thiết bị và kinh doanh khác).	10 <sup>6</sup>	2.334	3.286	141
2	<b>Doanh thu</b>	10 <sup>6</sup>	<b>7.000</b>	<b>6.860</b>	98
3	Nộp ngân sách NN	10 <sup>6</sup>	1.050	224,2	21
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup>		<b>(610.06)</b>	
5	Lao động bình quân	Người	12	11	92
6	Thu nhập BQ CBCNV	10 <sup>3</sup>	7.500	7.500	100
7	Dự nợ gốc vay ngân hàng 31/12	106	3.000	5.799	

**II. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG SXKD:**

1. *Tổng giá trị SXKD: Thực hiện năm 2025 là 7,78 tỷ/5,03 tỷ đạt 155% KH, Trong đó:*
  - 1.1. *Xây lắp hoàn thành 4,4 tỷ/KH 2,7 tỷ đạt 167%:*

- Thi công xây thô nhà liền kề TT7-09 KĐT Nam An Khánh đạt 100% KH và Dự án NMNĐ Thái Bình 2 hoàn thành 1,77 tỷ đạt 100% KH: Hạng mục cung còn lại về cấp than và đá vôi hệ thống thải tro xi, hệ thống khu vực chung (HĐ 33) và cung cấp cọc PHC D600,D400 (HĐ 78).
  - Các công trình dự kiến tiếp thị đấu thầu chưa tiếp cận và thực hiện được.
- 1.2. *Thương mại và kinh doanh khác hoàn thành 3,2 tỷ/KH 2,3 tỷ đạt 141%:*
- Từ việc cho thuê văn phòng tầng 12 tòa nhà Licogi 13, cho thuê Kho Ba La để giảm chi phí văn phòng cũng như tăng nguồn thu cho Công ty và bán thanh lý 01 xe ô tô Toyota biển 31F-5917 không có nhu cầu sử dụng để trả vốn vay Ngân hàng.
2. *Doanh thu: 2025 đạt 6,8 tỷ, hoàn thành 98% KH nhưng lợi nhuận âm.*
3. *Lợi nhuận trước thuế: Lợi nhuận năm 2025 lỗ 610 triệu đồng.*
- Năm 2025 Công ty tiếp tục bị thua lỗ và nguyên nhân chính của thua lỗ chủ yếu là các chi phí duy trì bộ máy quản lý ( tiền lương, bảo hiểm, chi văn phòng ...) và chi phí tài chính.
4. *Công tác Quản lý về kinh tế tài chính:*
- Công ty đã thực hiện quyết toán và thu vốn các hạng mục tại thủy điện Nậm Chiến và hoàn thành thi công, hoàn thành bàn giao hồ sơ quyết toán các hạng mục tại Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2.
  - Công tác thu vốn, thu hồi công nợ năm 2025 tuy gặp nhiều khó khăn nhưng đã có nhiều nỗ lực trong thu vốn và đạt được kết quả nhất định và không phát sinh các khoản công nợ khó thu hồi mới.
  - Tổng công nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2025 là 202 tỷ, giảm 8 tỷ đồng và công nợ phải thu ngắn hạn giảm khoảng 4,7 tỷ đồng so với tại thời điểm 01/01/2025.
    - + Giảm phải trả người bán ngắn hạn khoảng 4,7 tỷ đồng
    - + Giảm vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khoảng 3,4 tỷ đồng
    - + Giảm hàng tồn kho khoảng 1,29 tỷ đồng.
  - Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng tồn đọng các khoản nợ khó đòi, khó thu hồi từ lâu như: Khách sạn Dầu khí Lam Kinh (Giá trị thanh toán vượt quyết toán bị Thanh tra BXD loại trừ, DA dừng khai thác do không hiệu quả); Dự án Ethanol Phú Thọ (Dự án dừng hoạt động nên không có khả năng thu hồi)...
  - Việc giảm dư nợ vay ngắn hạn ngân hàng khoảng 3,4 tỷ đồng, giảm chi phí lãi vay 0,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước đã là sự nỗ lực phấn đấu trong công tác thu hồi công nợ để giảm dư nợ ngân hàng và giảm chi phí lãi vay; Tuy nhiên, dư vay vẫn chưa đạt theo kế hoạch, còn ở mức cao so với sản lượng SXKD thực hiện dẫn tới chi phí tài chính còn cao.
  - Công ty tập trung rà soát và thực hiện giảm các khoản đầu tư tài chính, các khoản nợ phải thu, phải trả đã giảm so với những năm trước, hàng tồn kho và chi phí xây

dựng cơ bản dở dang, giảm dư nợ tại Ngân hàng mặc dù Công ty còn rất nhiều khó khăn về tài chính.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước và Pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết HĐQT trong công tác quản lý và điều hành SXKD.
- Tuy nhiên, khó khăn thực sự rất lớn:
  - + Hiện năng lực của Công ty bị hạn chế do không có ngành nghề mũi nhọn có tính chất đặc thù nên khi bị hạn chế về quan hệ và năng lực tài chính vô cùng khó khăn. Hồ sơ năng lực hiện nay để phục vụ công tác đấu thầu bị hạn chế do kết quả SDKD các năm trở lại đây bị thua lỗ nhiều và đã bị âm vốn chủ sở hữu khoảng 65 tỷ.
  - + Hiện nay Công ty đang bị xếp hạng nợ Nhóm 5 (mức xấu nhất) nên Ngân hàng thắt chặt việc cho vay và bảo lãnh nên việc muốn khai thác thực hiện các công việc mới mà muốn phát hành bảo lãnh thì phải có 100% tài sản thế chấp, ký quỹ, đây là trở ngại rất lớn khi Công ty tiếp cận công việc mới.
  - + Đối với ngành xây dựng: Sự cạnh tranh quyết liệt của các doanh nghiệp có quy mô vốn lớn, tài chính tốt và năng lực kinh nghiệm thi công tốt. Trong khi các công trình hiện với đơn giá trúng thầu thấp, nguyên vật liệu tăng cao, các công trình có vốn Nhà nước vẫn luôn bị tiến độ chậm trễ kéo dài, việc nghiệm thu, thanh toán, thu hồi công nợ chậm dẫn đến chi phí lãi vay tăng nhiều nên sẽ rất rủi ro. Nếu Công ty làm B phụ cũng rất rủi ro về thu vốn và không hiệu quả do Công ty không có mũi nhọn sở trường trong khi tài sản máy móc thiết bị không có sẵn.
  - + Hiện nay Công ty đang phải thực hiện nghĩa vụ thi hành 03 bản án dân sự với giá trị lớn nên rất áp lực trong việc quản lý sử dụng dòng tiền và tài sản Công ty.

5. Công tác Quản lý - Tổ chức - Đào Tạo - Tiền lương:

- Tổng số CBCNV đến 31/12/2025: là 11 người. 02 người chuyển công tác.
- Trong năm 2025 không tuyển dụng mới cán bộ để phù hợp với tình hình SXKD của Công ty.
- Duy trì việc thanh toán tiền lương cho CBCNV để đảm bảo cuộc sống thiết yếu cho CBCNV.
- Công tác tham gia BHXH, BHYT: Thực hiện đầy đủ chế độ BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN đối với người lao động theo qui định hiện hành của Nhà nước.

6. Công tác đời sống: Tổ chức khen thưởng cho con em CBCNV Công ty đạt thành tích cao trong học tập, tổ chức cho CBCNV đi tham quan để động viên, khuyến khích tinh thần cho CBCNV.

## PHẦN II

### KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026 VÀ CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

#### I. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	<b>Tổng giá trị SXKD</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>2.585</b>
+	Giá trị xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	
+	Kinh doanh vật tư thiết bị và kinh doanh khác	10 <sup>6</sup> đ	2.585
2	<b>Doanh thu</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>2.350</b>
3	Nộp ngân sách nhà nước	10 <sup>6</sup> đ	200
4	Lợi nhuận	10 <sup>6</sup> đ	
5	Lao động bình quân (người)	người	9
6	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	10 <sup>3</sup> đ	7.500
7	Giá trị đầu tư	10 <sup>6</sup> đ	0
8	<b>Dự nợ vay ngân hàng 31/12</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>0</b>

#### II. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026

Trong năm 2026 Công ty sẽ cố gắng để duy trì ổn định và tập trung vào các nhiệm vụ chính như sau:

##### 1. Điều hành SXKD:

- Tập trung thực hiện quyết toán nội bộ dứt điểm với Petrocons công trình NMNĐ Sông Hậu 1; NMNĐ Thái Bình 2.
- Nghiên cứu phương án tìm thêm ngành nghề kinh doanh mới phù hợp với năng lực và nguồn lực của Công ty.
- Tiếp tục tìm kiếm thông tin trong công tác đấu thầu các gói thầu về xây lắp, thương mại vừa và nhỏ để tìm kiếm thêm công việc mới. Tìm kiếm đối tác để bán thanh lý 02 máy đào bánh xích Hitachi ZX 330-3, ZX 450-3 sử dụng không hiệu quả để trả nợ vay vốn Ngân hàng (đã thực hiện).
- Tiếp tục rà soát CBCNV khối gián tiếp, sắp xếp, bố trí công việc cho phù hợp với năng lực cũng như tình hình SXKD thực tế của Công ty tại từng thời điểm.

##### 2. Công tác kinh tế và tài chính:

- Thực hiện đúng qui chế trong công tác hợp đồng kinh tế đã được HĐQT phê duyệt và tổ chức thực hiện đảm bảo tối ưu lợi ích Công ty.

- Quyết toán các dự án như: NMNĐ Thái Bình 2, NMNĐ Sông Hậu 1, công trình Khu nhà ở Him Lam Vĩnh Tuy - Hà Nội, các công trình xây dựng tại dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh - Hà nội...
- Đẩy mạnh công tác thu vốn tại dự án Nhiệt điện Thái Bình 2, Sông Hậu 1 và các công trình đã hoàn thành, các công nợ khó đòi tồn đọng từ lâu để phân dẫu trong năm 2026 trả hết nợ gốc ngân hàng để làm thủ tục xin miễn giảm lãi vay, chi phí bảo lãnh (khoảng hơn 10 tỷ đồng).
- Tiếp tục duy trì quan hệ tín dụng tốt với Ngân hàng Bidv Hà Đông để duy trì các Bảo lãnh, vay vốn trả nợ khách hàng và cấp tín dụng cho các công trình dự án Công ty dự kiến triển khai trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

**3. Công tác chế độ chính sách và an sinh xã hội:**

Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động theo Luật lao động và các quy định hiện hành; Đảm bảo tốt chính sách tiền lương, bảo hiểm, đẩy mạnh mức thu nhập để thu hút nhân lực khi Công ty có dự án, nguồn công việc mới.



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Phạm Trường Loan*



CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày tháng 03 năm 2026

## THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025 &amp; KẾ HOẠCH NĂM 2026

## Các chỉ tiêu chủ yếu

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2025		Tỷ lệ % hoàn thành KH 2025	Kế hoạch năm 2026	Tốc độ tăng trưởng KH so với TH năm 2025
			KH	TH			
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8=7/5
<b>A</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ SXKD</b>	10 <sup>6</sup> đ	5.034	7.784	155	2.585	33
	Trong đó:	10 <sup>6</sup> đ					
1	Giá trị xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	2.700	4.499	167	-	-
2	Giá trị vật tư, thiết bị & kinh doanh khác	10 <sup>6</sup> đ	2.334	3.286	141	2.585	79
<b>I</b>	<b>Lao động và tiền lương</b>	10 <sup>6</sup> đ					
+	Tổng số CBCNV BQ	Người	12	11	92	9	82
+	Thu nhập BQCBCNV	10 <sup>3</sup> đ	7.500	7.500	100	7.500	100
<b>II</b>	<b>Doanh thu</b>	10 <sup>6</sup> đ	7.000	6.860,4	98	2.350	34
<b>III</b>	<b>Các khoản nộp nhà nước</b>	10 <sup>6</sup> đ	1.050	224,2	21	200	89
<b>IV</b>	<b>Lợi nhuận</b>	10 <sup>6</sup> đ		(610,06)			
+	Lợi nhuận/Doanh thu	%		(8,89)			
+	Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	%		(0,55)			
<b>V</b>	<b>Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến</b>	%					

PHÒNG KTKT

Ngô Thị Thúy Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC


  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
Phạm Trường Lâm



## CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH VÀ CÔNG VIỆC

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2025		Tỷ lệ % HT KH năm	Kế hoạch năm 2026	Tốc độ tăng trưởng KH so với TH năm 2025
			KH	TH			
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8=7/5
<b>A</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ SXKD</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>5.034</b>	<b>7.784</b>	<b>155</b>	<b>2.585</b>	<b>33</b>
+	Giá trị xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	2.700	4.499	167	-	-
+	Giá trị kinh doanh VTTB & kinh doanh khác	10 <sup>6</sup> đ	2.334	3.286	141	2.585	79
<b>I</b>	<b>Xây lắp</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>2.700</b>	<b>4.499</b>	<b>167</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Cơ quan công ty	10 <sup>6</sup> đ	2.700	4.499		-	-
<b>1</b>	<b>Các HM tại DANMNB Thái Bình 2</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>-</b>	<b>1.775</b>		<b>-</b>	
a	Phần kết cấu thép	10 <sup>6</sup> đ		-			
b	Phần xây dựng	10 <sup>6</sup> đ		1.774,9			
+	Hoàn thành thi công bê tông (móng +dầm+tường) Kho than số 1 phần đồ bê tông - HĐ 52 (BDH TB2)	10 <sup>6</sup> đ		-			
+	Hồ chứa nước thải khu vực lò hơi -HĐ 33-BĐHTB2	10 <sup>6</sup> đ					
+	Tháp chuyển tiếp số 1, 3,4,5,6,7,8 - HĐ 33-BĐHTB2	10 <sup>6</sup> đ		-			
+	Băng tải than các trụ đỡ cầu băng tải 1A-1B, 2A-2B, 3A-3B, 4A-4B, 5A-5B, 6A-6B, 7A-7B, 8A-8B, 9-14 -HĐ 33-BĐHTB2	10 <sup>6</sup> đ					
+	FLY SILLO ( Phần thân bằng bê tông tro bay 02 cái) - HĐ 33- BĐHTB2	10 <sup>6</sup> đ		-			
+	Bottom silo (Phần thân bằng thép - tro xi 2 cái) -HĐ 33 -BĐHTB2	10 <sup>6</sup> đ					
+	Hạng mục thi công xây dựng khu vực nhà máy chính HT cung cấp than và đá với HT thải tro xi. Hệ thống khu vực chung - HĐ số 33	10 <sup>6</sup> đ		1.386			
+	Hạng mục: CCTC cọc PHC D600 và D400 DA TB2 - HĐ số 78	10 <sup>6</sup> đ		389			
+	Hạng mục: Cửa xả, kênh thải nước làm mát đoạn 1 ( đoạn 49,17) và khu vực của nhận nước làm mát đoạn dùng chung cho TB1+TB2 - HĐ số 79	10 <sup>6</sup> đ		-			
<b>2</b>	<b>Xây thô căn mẫu (NO1B-NO2-1) CT Khu nhà ở Hầm Lam, Vĩnh Tuy, HN</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>					
<b>3</b>	<b>Công trình NMNB Sông Hậu 1</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>					
<b>4</b>	<b>Các công trình XD dự kiến tiếp thị đấu thầu:</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>2.700</b>	<b>2.724</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
+	Công trình xây thô nhà nhà liền kề TT7-09 Khu đô thị mới Nam An Khánh, Hà Nội.	10 <sup>6</sup> đ	2.700	2.724			
<b>II</b>	<b>Kinh doanh khác:</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>2.334</b>	<b>3.286</b>	<b>141</b>	<b>2.585</b>	<b>79</b>

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2025		Tỷ lệ % HT KH năm	Kế hoạch năm 2026	Tốc độ tăng trưởng KH so với TH năm 2025
			KH	TH			
1	Cho thuê nhà tầng 12 tòa nhà Licogi 13, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân.	10 <sup>6</sup> đ	1.822	2.416,4	133	2.033	
2	Cho thuê kho tại Ba La, Hà Đông. HN	10 <sup>6</sup> đ	512	569,1	111	552,0	
+	Bán thanh lý Bán thanh lý xe TOYOTA Biển 31F-5917	10 <sup>6</sup> đ		300			
3	Cho thuê máy xúc đào bánh xích Hitachi ZX330-3	10 <sup>6</sup> đ					
4	Cho thuê máy xúc đào bánh xích Hitachi ZX450-3	10 <sup>6</sup> đ					
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10 <sup>6</sup> đ					

**BÁO CÁO****HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY  
NĂM 2025 - CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2026****Căn cứ:**

- Điều lệ Công ty Cổ phần SDP;
- Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên Công ty năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty gồm các Ông/Bà:

1. Ông **Phạm Trường Tam** - Thành viên phụ trách HĐQT
2. Ông **Vũ Thị Ánh** - Ủy viên HĐQT
3. Ông **Đinh Mạnh Hưng** - Ủy viên HĐQT
4. Bà **Đặng Thị Phương Thủy** - Ủy viên HĐQT
5. Bà **Nguyễn Thị Thanh Vân** - Ủy viên HĐQT

Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2025 và Chương trình công tác năm 2026 như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH, KINH TẾ CHỦ YẾU NĂM 2025**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	Thực hiện so với năm trước
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>6</sup> VNĐ	5.034	7.784	155%	11%
2	Doanh thu	10 <sup>6</sup> VNĐ	7.000	6.860	98%	12,7%
3	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> VNĐ		-610		
4	Nộp ngân sách NN	10 <sup>6</sup> VNĐ	1.050	224,2	21%	17,5%
5	Lao động bình quân	Người	12	11	92%	78,5%
6	Thu nhập bình quân	10 <sup>3</sup> VNĐ	7.500	7.500	100%	107%
7	Giá trị đầu tư	10 <sup>3</sup> VNĐ				
8	Mức cổ tức dự kiến	%				

Năm 2025 là năm Công ty SDP tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn từ công việc cho đến việc thu hồi vốn, công nợ và áp lực trả nợ khách hàng; Việc phê duyệt đơn giá để thực hiện thanh quyết toán quá kéo dài đặc biệt như Dự án NMNĐ Sông Hậu 1 đơn vị đã thi công hoàn thành được 5 năm

nhưng đến nay chưa được phê duyệt Quyết toán (và có thể bị giảm trừ khoảng 29 tỷ đồng so với giá trị đã xuất hóa đơn khi quyết toán chính thức) và Dự án NMNĐ Thái Bình 2 việc quyết toán cũng kéo dài và khi quyết toán cũng tiềm ẩn rủi ro (có thể bị giảm trừ khoảng 16 tỷ đồng so với giá trị đã xuất hóa đơn khi quyết toán chính thức), công tác thu hồi giá trị 3% giữ lại của công trình NM Nhiệt điện Thái Bình 2 gặp vướng mắc do việc dự án bị chậm tiến độ so với hợp đồng EPC ban đầu,... Tuy nhiên, với sự hỗ trợ thiện chí hợp tác giúp đỡ của các đối tác, BIDV Hà Đông... cùng sự cố gắng để phù hợp thích ứng với hoàn cảnh thực tế của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV, Công ty cũng đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để tiếp tục duy trì hoạt động của Đơn vị, đặc biệt là đã hoàn thành thực hiện thi công, hoàn thành hồ sơ thu vốn và quyết toán khối lượng tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2.

## II. THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao được hưởng theo phương án chi trả năm 2025	Mức thù lao đã chi trả năm 2025	Chênh lệch mức thù lao theo HTKH
A	B	C	1	2	3=1-2
1	Phạm Trường Tam	Thành viên phụ trách HĐQT	48.000.000	48.000.000	
2	Đình Mạnh Hưng	TV HĐQT	36.000.000	36.000.000	
3	Nguyễn Thị Thanh Vân	TV HĐQT	36.000.000	36.000.000	
4	Vũ Thị Ánh	TV HĐQT	36.000.000	36.000.000	
5	Đặng Thị Phương Thùy	TV HĐQT	36.000.000	36.000.000	
6	Phùng Minh Bằng	TBKS	30.000.000	30.000.000	
7	Ngô Thị Thúy Hương	TV BKS	18.000.000	18.000.000	
8	Ứng Trọng Hải	TV BKS	18.000.000	18.000.000	
	<b>Tổng</b>		<b>258.000.000</b>	<b>258.000.000</b>	

## III. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2025

- Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ và một số phiên họp mở rộng, lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để có những quyết định kịp thời, chính xác phục vụ hoạt động SXKD, thực hiện cụ thể hóa Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025.
- Tất cả các cuộc họp của HĐQT, ý kiến của các thành viên trong HĐQT, BKS đều được thực hiện theo đúng quy định, trên cơ sở đó ban hành Nghị quyết để làm cơ sở triển khai thực hiện.

- HĐQT đã ban hành tổng cộng 07 Nghị quyết, Quyết định để chỉ đạo sát sao, kịp thời các hoạt động của Ban điều hành. Đồng thời, HĐQT cũng tăng cường phối hợp với Ban kiểm soát trong công tác quản trị rủi ro cho các hoạt động của Công ty.

#### **IV. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH THEO CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA HĐQT**

##### **1. Công tác tổ chức hoạt động, phân công nhiệm vụ trong HĐQT**

Thực hiện triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2025, theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. HĐQT Công ty đã tổ chức các phiên họp thường kỳ để xem xét, thảo luận và thống nhất đưa ra các quyết định chỉ đạo các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025, cụ thể như sau:

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên HĐQT để đôn đốc theo dõi chỉ đạo các lĩnh vực hoạt động SXKD của Công ty.
- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã thông qua.
- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, Quyết định thuộc phạm vi quyền hạn của HĐQT để giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác điều hành của Ban TGD Công ty.
- Định kỳ tiến hành kiểm tra, đánh giá các kết quả hoạt động SXKD của Công ty, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành SXKD của TGD Công ty nhằm đạt kết quả cao. Đồng thời điều chỉnh kịp thời các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch trong năm 2025 nhằm phù hợp với tiến độ, nhiệm vụ được giao.
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều được xây dựng trên nguyên tắc tập thể đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên trong HĐQT.
- HĐQT thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Ban TGD, từ đó có sự điều chỉnh và chỉ đạo kịp thời.

##### **2. Công tác tổ chức quản lý kinh tế theo chức năng của Hội đồng quản trị**

###### **2.1. Công tác tổ chức**

- Năm 2025, HĐQT Công ty đã chỉ đạo Ban TGD điều hành kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý của Công ty, rà soát và tinh giản nhân sự tối đa nhằm phục vụ tốt nhất trong việc điều hành và thực hiện SXKD.
- Thường xuyên nhắc nhở và yêu cầu Ban TGD thực hiện nghiêm túc các Quy chế, Quy định của Công ty.

###### **2.2. Công tác quản lý chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh**

- Chỉ đạo các phòng ban và các đơn vị thực hiện SXKD theo đúng qui trình, quy phạm nhằm đáp ứng các yêu cầu chất lượng của sản phẩm.
- Chỉ đạo ban TGD Công ty triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025 tại các dự án và các công trường về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu

tư. Hoàn thành thi công xây lắp toàn bộ các hạng mục của các Hợp đồng tại Dự án NMND Thái Bình 2.

- Chỉ đạo ban TGD Công ty tập trung hoàn thành hồ sơ thu vốn, quyết toán khối lượng để thực hiện bước tiếp theo là Quyết toán giá trị tại Dự án NMND Thái Bình 2.

### 3. Công tác phối hợp với tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể:

- Thường xuyên duy trì và phối hợp tốt trong quá trình triển khai các công việc giữa Hội đồng quản trị Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Ban Nữ công để thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước để cùng xây dựng Công ty ổn định bền vững và phát triển. Tổ chức các hoạt động tham quan, du lịch để khuyến khích, động viên kịp thời không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần đời sống tinh thần đối với CBCNV trong toàn Công ty.
- Chỉ đạo chính quyền tạo điều kiện và ủng hộ kinh phí cho các tổ chức đoàn thể hoạt động theo quy chế đã ban hành và đưa các mặt hoạt động của Công ty đạt nhiều thành tích.

## V. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA HĐQT CÔNG TY NĂM 2026

1. Tổ chức tổng kết để phân tích, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động SXKD và các chương trình công tác khác của Công ty năm 2025.
2. Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên của Công ty năm 2026 ngay sau khi có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật.
3. Xây dựng chương trình công tác của Hội đồng quản trị năm 2026.
4. Tập trung nguồn lực thực hiện quyết toán NMND Sông Hậu 1; Quyết toán giá trị tại dự án NMND Thái Bình 2 để thanh toán 3% giá trị giữ lại Hợp đồng.
5. Quyết toán các dự án khác như: công trình Khu nhà ở Him Lam Vĩnh Tuy - Hà Nội, các công trình xây dựng tại dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh - Hà nội, Nhà máy thủy điện Hòa Na ...
6. Thanh lý 02 máy đào bánh xích Hitachi ZX 330-3, ZX 450-3 sử dụng không hiệu quả để trả nợ vay vốn Ngân hàng.
7. Tiếp tục rà soát CBCNV khối gián tiếp, sắp xếp, bố trí công việc cho phù hợp với năng lực cũng như tình hình SXKD thực tế của Công ty tại từng thời điểm.
8. Đẩy mạnh công tác thu vốn tại dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 và các công trình đã hoàn thành, các công nợ khó đòi tồn đọng từ lâu để phân đầu trong năm 2026 trả hết nợ gốc ngân hàng và trình thủ tục xin miễn giảm lãi vay, chi phí bảo lãnh (khoảng hơn 10 tỷ đồng).
9. Chỉ đạo ban điều hành Công ty phân đầu hoàn thành kế hoạch năm 2026 do ĐHCĐ giao:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>6</sup> đ	2.585
+	Giá trị xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	0

+	<i>Kinh doanh vật tư thiết bị và kinh doanh khác</i>	10 <sup>6</sup> đ	2.585
<b>2</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>2.350</b>
3	Nộp ngân sách nhà nước	10 <sup>6</sup> đ	200
4	Lợi nhuận hợp nhất toàn Công ty	10 <sup>6</sup> đ	
5	Lao động bình quân (người)	người	9
6	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	10 <sup>3</sup> đ	7.500
7	Giá trị đầu tư	10 <sup>6</sup> đ	0
<b>8</b>	<b>Dư nợ vay ngân hàng 31/12</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>0</b>

10. Phối hợp với Ủy Ban kiểm toán định kỳ tiến hành kiểm tra, đôn đốc Ban Tổng Giám đốc Công ty trong quá trình triển khai thực hiện SXKD. Nghiêm túc thực hiện Điều lệ, quy chế, quy định và Nghị quyết ĐHĐCĐ, tiến hành kiểm tra, rà soát, bổ xung và sửa đổi các quy chế và quy định của Công ty sao cho phù hợp với pháp luật của nhà nước và các quy định, quy chế hiện hành phù hợp với mô hình hoạt động SXKD của Công ty.
11. Công tác đầu tư: Theo dõi, phối hợp cùng SJ Group triển khai Dự án TT1 Văn La.
12. Thực hiện xây dựng sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty để cập nhật (nếu có), tuân thủ theo các quy định của pháp luật và thị trường chứng khoán.
13. Triển khai, tổ chức họp HĐQT theo định kỳ và bất thường khi thấy cần thiết để chỉ đạo kịp thời hoạt động SXKD của Công ty.

***Kính thưa quý vị đại biểu và quý cổ đông!***

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động trong năm 2025 và chương trình hoạt động năm 2026 của Hội đồng quản trị SDP, rất mong muốn các Quý cổ đông sẽ đóng góp ý kiến.

Thay mặt HĐQT, tôi xin tỏ lòng biết ơn đối với sự ủng hộ, tín nhiệm của toàn thể Quý vị cổ đông trong thời gian qua. Kính chúc quý vị đại biểu và quý cổ đông lời chúc sức khoẻ, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
THÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH**



**BÁO CÁO**  
**CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**  
**Trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2026**

-----

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026**

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức Hoạt động của Công ty cổ phần SDP.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Căn cứ kết quả hoạt động SXKD và báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Ban Kiểm soát Công ty xin báo cáo ĐHCĐ thường niên về kết quả hoạt động của BKS trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

**I/ KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2025**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức hoạt động của BKS năm 2025. Ban kiểm soát đã thay mặt Cổ đông thực hiện chức năng kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2025 như sau:

- Tham gia các cuộc họp Công ty theo chức năng và thẩm quyền khi được yêu cầu.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết ĐHCĐ của Ban Tổng giám đốc trong quá trình hoạt động SXKD, nắm bắt tình hình hoạt động để kịp thời có ý kiến đề xuất (nếu có) với Ban TGD và HĐQT công ty.
- Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Ban TGD trên thông qua kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2025. Xem xét Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin hoạt động SXKD, tình hình quản trị Công ty theo đúng quy định luật chứng khoán hiện hành.
- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và thông tin hoạt động của Công ty đều được Công ty cung cấp đầy đủ kịp thời cho Ban kiểm soát, 2/3 thành viên BKS hiện đang tham gia quản lý điều hành trong công ty do đó thường xuyên nắm bắt thông tin hoạt động SXKD Công ty.
- Năm 2025 BKS không nhận được bất kỳ ý kiến/hay kiến nghị nào của cổ đông, người lao động về những vấn đề liên quan đến hoạt động, Ban lãnh đạo Công ty.

**II/ KẾT QUẢ GIÁM SÁT THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KTKH NĂM 2025**

Năm 2025, hoạt động SXKD của Công ty vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn về thị trường công việc, năng lực thi công xây lắp vốn là lĩnh vực sản xuất chính của Công ty trước đây đến nay rất thiếu và yếu; hoạt động mua bán kinh doanh vật tư, thiết bị đã không còn là lợi thế, điểm mạnh của Công ty trong điều kiện thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay... Những khó khăn đó vẫn luôn ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của công ty trong mấy năm qua.

Để tiếp tục duy trì hoạt động, nắm bắt những cơ hội mới và khai thác triệt để các nguồn lực

hiện có. Hội đồng quản trị, Ban TGD công ty đã thực hiện nhiều giải pháp phù hợp để triển khai thực hiện kế hoạch năm 2025 của Công ty như sau:

### 1. Các chỉ tiêu kinh tế thực hiện chủ yếu năm 2025

DVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % TH/KH
1	Tổng giá trị SXKD	5.034	7.784	155%
	<i>Trong đó: + Xây lắp</i>	2.700	4.499	167%
	<i>+ Thương mại, dịch vụ</i>	2.334	3.286	141%
2	Tổng doanh thu	7.000	6.860	98%
3	Nộp NSNN	1.050	224,2	21%
4	Lợi nhuận (trước thuế)	0	-610	
5	Thu nhập BQ CBCNV	7.500	7.500	100%
6	Dư nợ vay Ngân hàng 31/12/2025	3.000	5.799	

### 2. Đánh giá tình hình hoạt động SXKD năm 2025

- Năm 2025, Công ty vẫn tiếp tục khó khăn không có nguồn lực để cạnh tranh tham gia tìm kiếm các công trình, công việc mới. Hoạt động chủ yếu vẫn tiếp tục hoàn thành các hạng mục công việc tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 theo Hợp đồng đã ký kết. Duy trì việc cho thuê văn phòng, kho xưởng để có thêm nguồn thu hoạt động. Với Tổng giá trị SXKD đạt 155% so với kế hoạch năm; trong đó xây lắp đạt 167%, hoạt động thương mại và dịch vụ khác đạt 141%.
- Nguyên nhân lỗ 610 triệu là do: Doanh thu thực hiện thấp 6,860 tỷ, các khoản chi phí phát sinh trong năm vẫn chiếm tỷ lệ cao như: Chi phí lãi vay 1,30 tỷ chiếm 18,9% trên doanh thu; Chi phí QLDN thực hiện 2,663 tỷ chiếm tỷ lệ 38,8% doanh thu (trong đó chi phí tiền lương 1,596 tỷ chiếm 60%/ tổng chi phí quản lý và chiếm 23,2%/Doanh thu thực hiện)
- Số lượng CBCNV của Công ty hiện có 11 người, trong năm đã giảm 02 người, với mức tiền lương thu nhập bình quân 7.500.000đ/người/tháng so với mức bình quân trên thị trường vẫn ở mức thấp. Tuy nhiên do doanh thu đạt thấp nên tỷ lệ % chi phí vẫn chiếm rất lớn làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động Công ty.

### 3. Tình hình tài chính Công ty

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đến 31/12/2025:

DVT: Ngàn đồng

TÀI SẢN	SỐ TIỀN	NGUỒN VỐN	SỐ TIỀN
<b>I. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>120.353.338</b>	<b>I. Nợ phải trả</b>	<b>202.817.027</b>
1. Tiền và tương đương tiền	75.290	1. Nợ ngắn hạn	202.817.027
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	102.210.866	2. Nợ dài hạn	0
3. Hàng tồn kho	17.286.893		
<b>II. Tài sản dài hạn</b>	<b>16.958.262</b>	<b>II. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>-65.505.426</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	0	1. Vốn chủ sở hữu	-65.505.426
2. TSCĐ	15.880.702	1.1 Vốn góp của CSH	111.144.720
3. Đầu tư tài chính dài hạn	1.077.559	1.2 Lợi nhuận sau thuế chưa PP	-212.532.654
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>137.311.600</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>137.311.600</b>

### *Đánh giá về tình hình tài chính công ty:*

- Tài chính công ty mất cân đối, Vốn CSH âm 65,505 tỷ đồng nguyên nhân: Do các khoản lỗ lũy kế hoạt động SXKD các năm trước âm 212,532 tỷ đồng (do trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu tồn đọng không có khả năng thu hồi, các khoản đầu tư dài hạn không hiệu quả...)
- Nợ quá hạn ngân hàng nhóm 5 (nhóm nợ xấu nhất của NH) đến 31/12/2025: 5,799 tỷ đồng và lãi vay phải trả ngân hàng: 10,920 tỷ đồng. Công ty vẫn đang được Ngân hàng hỗ trợ giúp đỡ cấp hạn mức tín dụng tối đa: 54,832 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở L/c trong đó hạn mức ngắn hạn: 9,216 tỷ đồng. Tài sản đảm bảo cho hạn mức trên là tài sản của Công ty gồm toàn bộ diện tích VP tầng 12, tòa Licogi13; 02 máy đào bánh xích và tài sản của bên thứ 3.
- Nợ phải trả đến 31/12/2025: 202,817 tỷ đồng chiếm 147,7% Tổng giá trị nguồn vốn -> Trong đó công nợ chưa đối chiếu khoảng: 61,530 tỷ đồng; nợ phải trả quá hạn thanh toán: 110,955 tỷ Trong đó có nhiều khoản nợ lớn nhưng công ty không có tiền để thanh toán đang gây áp lực rất lớn cho Công ty.
- Tổng các khoản nợ phải thu & hàng tồn kho: 119,496 tỷ đồng chiếm 87%/Tổng tài sản trong đó nợ chưa đối chiếu là: 12 tỷ, các khoản nợ đã quá hạn từ 3 năm trở lên, thuộc nhóm nợ khó đòi công ty đã trích lập dự phòng: 89,277 tỷ đồng. -> Công ty rất khó khăn trong việc thu hồi vốn nợ đọng, nhiều đơn vị đã ngừng hoạt động không còn khả năng chi trả thanh toán... Công ty luôn thiếu tiền mặt để thanh toán các khoản nợ quá hạn bao gồm: trả nợ gốc, lãi cho ngân hàng; nộp thuế NSNN; thanh toán cho nhà cung cấp, nhà thầu...

### **III/ XEM XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025 ĐÃ KIỂM TOÁN**

- Ban kiểm soát đã đọc xem xét báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C thực hiện, BKS thống nhất với số liệu và những ý kiến kiểm toán đã nêu trong báo cáo.
- Ban Tổng giám đốc đã cam kết và đảm bảo tính chắc chắn tuân thủ về số liệu kế toán được thực hiện trên cơ sở các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành được kiểm toán để công bố thông tin và đăng tải trên website Công ty.
- Theo ý kiến của Kiểm toán nêu cơ sở của ý kiến ngoại trừ về các khoản công nợ phải thu phải trả chưa được đối chiếu xác nhận đã ảnh hưởng đến kết quả của Báo cáo tài chính là: *"một số khoản nợ phải thu 63,638 tỷ đồng; phải trả là 105,343 tỷ"*
- *Chi phí SXKD dở dang: 17,286 tỷ; lãi vay phải trả Cty Anh Phát: 544 triệu;*
- *Lãi phải trả cho các khoản nợ phải thu tồn đọng: ước tính khoảng 5 tỷ đồng*
- Vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến khoản lỗ thuần 610 triệu đồng năm 2025; vốn chủ sở hữu âm 65,505 tỷ và số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2025 là: 212,532 tỷ đồng và tại ngày đó các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 82,463 tỷ đồng.

*(Báo cáo tài chính đã kiểm toán: Đề nghị quý Cổ đông xem chi tiết trên websie Công ty).*

### **IV/ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2025-**

- Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch chủ yếu năm 2025:
  - + Tổng giá trị sản lượng: đạt 155% KH năm
  - + Tổng doanh thu : đạt 98% KH năm
  - + Lợi nhuận (trước thuế): âm 610 triệu đồng ...

- Hội đồng quản trị đã triển khai nhiệm vụ theo đúng chức năng, quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty, bám sát tình hình hoạt động Công ty để có những chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc tồn tại liên quan .
- Công ty đã lựa chọn đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.
- Đã thực hiện việc chi trả và quyết toán thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2025 ( Số liệu chi tiết kèm theo tờ trình ĐHĐCĐ).
- Công ty đã lập báo cáo quản trị và công bố thông tin tình hình hoạt động SXKD Công ty năm 2025 theo quy định pháp luật hiện hành.

## **V/ KẾT QUẢ GIÁM SÁT HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **1. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị**

- Năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ và ban hành 07 Nghị quyết, các Nghị quyết của HĐQT được thông qua trên cơ sở triển khai việc thực hiện các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Các thành viên HĐQT đều thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

### **2. Kết quả giám sát Ban Tổng giám đốc**

- Năm 2025 mặc dù công ty đang rất khó khăn, không có việc làm mới, dòng tiền mới, công nợ cũ tồn đọng lớn, mất cân đối tài chính...Nhưng Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD trên cơ sở triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT theo chức trách nhiệm vụ được giao đúng thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty. Các thành viên Ban TGD phối hợp chặt chẽ, chủ động bám sát công việc kịp thời xử lý những vướng mắc tồn tại để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Luôn quan tâm và tạo mọi điều kiện tốt nhất thanh toán kịp thời tiền lương và các khoản thu nhập khác nhân các kỳ lễ, tết theo chế độ, thăm hỏi CBNV ốm đau và thực hiện đầy đủ các chế độ khác cho người lao động.

### **3. Ý kiến của Ban kiểm soát**

Căn cứ tình hình thực trạng của Công ty hiện nay, Ban kiểm soát có 1 số ý kiến như sau:

- Đề nghị Công ty bám sát thị trường có các giải pháp chi đạo điều hành kịp thời, phù hợp, hiệu quả, tiếp tục vượt qua khó khăn tìm kiếm những công việc mới phù hợp với thực trạng công ty hiện nay, khai thác và sử dụng có hiệu quả các tài sản hiện có như: Cho thuê văn phòng, cho thuê kho xưởng...để có nguồn thu bù đắp chi phí hoạt động Công ty và thanh lý MMTB không sử dụng được để có nguồn vốn trả nợ ngân hàng.
- Tập trung thực hiện công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn những công trình, công việc, dự án đã hoàn thành đủ điều kiện để thực hiện quyết toán như: NMNĐ Sông Hậu 1; NMNĐ Thái Bình 2; Khu nhà ở Him Lam – Hà nội...theo đó thực hiện việc quyết toán nội bộ theo đúng Hợp đồng đã ký kết. Linh hoạt các phương pháp, giải pháp, các mối quan hệ để thu hồi các khoản công nợ cũ tồn đọng.
- Cân đối tài chính ưu tiên nguồn trả nợ quá hạn ngân hàng, phân đầu giảm dư nợ ở mức tối thiểu nhất để giảm chi phí tài chính. Thực hiện đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ đối với NSNN, cơ quan BHXH và các chế độ của Người Lao động được tốt nhất.

- Thực hiện quản trị nội bộ theo quy định hiện hành đảm bảo mọi hoạt động đều được kiểm soát theo đúng phương án phê duyệt.
- Tiếp tục bám sát chủ đầu tư – Công ty Cổ phần SJ Group về kế hoạch triển khai Dự án Văn La-Hà Đông, phối hợp hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến phần diện tích thuộc sở hữu Công ty.
- Công ty tiếp tục thực hiện đầy đủ và đúng quy định Luật chứng khoán theo các Quyết định số 296/QĐ-SGDHN ngày 01/04/2026 và Quyết định số 297/QĐ-SGDHN ngày 01/04/2026 v/v: Duy trì diện hạn chế giao dịch.

#### **VI/ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026**

- Tham gia tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban TGD để hoàn thành nhiệm vụ năm 2026
- Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất (nếu có theo kiến nghị cổ đông) trong việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Phối hợp xem xét thẩm định báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2026 theo quy định.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác thuộc thẩm quyền của BKS công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của BKS Công ty năm 2025, chương trình hoạt động của BKS năm 2026. BKS kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty./.

**Xin trân trọng cảm ơn!**

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ năm 2025
- Lưu BKS

**TM/ BAN KIỂM SOÁT  
Trưởng Ban**



**Phùng Minh Bằng**



CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

----- \*\*\* -----

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2026/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2026

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính thông qua ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần SDP được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20 tháng 06 năm 2023;

Ngày 31/12/2020, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Nghị định số 155/2020/NĐ-CP về quản trị Công ty. Ngày 31/12/2020, Bộ Tài Chính đã thông qua Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Trong đó Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư số 116/2020/TT-BTC có nhiều quy định mới và khác so với các quy định trước đây.

Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần SDP và các thay đổi của Pháp luật, Hội đồng quản trị đã tổ chức rà soát, xem xét sửa đổi một số điều khoản trong Điều lệ của Công ty, chi tiết tại Phụ lục đính kèm tờ trình.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều lệ mới của Công ty đã cập nhật, bổ sung theo tình hình hoạt động thực tế của Công ty và các quy định mới của Luật hiện hành. Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026 được thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
THÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
SDP  
PHẠM TRƯỜNG TAM

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b> .....	<b>1</b>
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b> .....	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> 2	
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	2
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	3
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	3
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	4
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	4
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	4
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	5
<b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....	<b>5</b>
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	5
<b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>6</b>
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	6
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	7
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	10
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	11
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	16

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	19
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	19
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	21
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	24
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty.....	28
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b> .....	29
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý .....	29
Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp.....	29
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc .....	29
<b>IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN</b> .....	30
Điều 35. Cơ cấu tổ chức.....	30
Điều 36. Chức năng nhiệm vụ.....	30
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b> .....	31
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng.....	31
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	31
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	33
<b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b> .....	34
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....	34
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b> .....	34
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn.....	34
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b> .....	35
Điều 42. Phân phối lợi nhuận .....	35
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b> .....	36
Điều 43. Tài khoản ngân hàng.....	36
Điều 44. Chế độ kế toán .....	36
<b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....	36
Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....	36
Điều 46. Báo cáo thường niên .....	37

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	37
Điều 47. Kiểm toán.....	37
XVII. CON DẤU.....	37
Điều 48. Con dấu.....	37
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	38
Điều 49. Chấm dứt hoạt động.....	38
Điều 50. Gia hạn hoạt động.....	38
Điều 51. Thanh lý.....	38
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	39
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	39
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	40
Điều 53. Điều lệ công ty.....	40
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	40
Điều 54. Ngày hiệu lực.....	40

Uta

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 22 tháng 6 năm 2026.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- c. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
- e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
- g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
- h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
- i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

### II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

## **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

### **1. Tên Công ty**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **SDP JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt: **SDP**
- Hình ảnh biểu trưng của Công ty:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

### **3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:**

- Trụ sở chính : Ngõ 795 đường Quang Trung, phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 2216425
- Fax : 0243 2216423
- Email : [home@sdp.com.vn](mailto:home@sdp.com.vn)
- Website : <http://www.sdp.com.vn>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn .

## **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty.

## **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; Tạo việc làm ổn định cho người lao động; Đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

##### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn Điều lệ của Công ty là **111.144.720.000** (Một trăm mười một tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi nghìn) đồng;

Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành **11.114.472 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là

phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn

cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 113 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố và áp dụng) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

### **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
4. Tổng giám đốc;
5. Ủy ban kiểm toán.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

(Các quyền đối với các loại cổ phần khác)

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

- b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c. Yêu cầu Ủy Ban kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 35 Điều lệ này;
- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến

hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 16. Đại diện theo ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số

doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này (từ chối kiến nghị phải được trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông) nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

#### **Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ

đồng, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên,

người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

### **Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

#### **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ vấn đề gì và bất cứ lúc nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông

là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban tổ chức Đại hội hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày ban hành biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% được đề cử đủ năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

#### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người, số lượng thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ, giai đoạn sẽ do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt dựa

trên đề xuất của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất 20% tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

#### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
  - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
  - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
  - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
  - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
  - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
  - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
  - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
  - m. Quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
  - n. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền;
  - o. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
  - p. Thực hiện các nội dung theo ủy quyền của ĐHĐCĐ;
  - q. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
  - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải

do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 2 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

#### **Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

#### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp

này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành

trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản và phải có tập họp chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

### **Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

### **Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

### **Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

### **Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
  - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
  - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - g. Vào ngày 30/11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
  - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
  - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

## **IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN**

### **Điều 35. Tổ chức bộ máy**

- a. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên.
- b. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

### **Điều 36. Chức năng nhiệm vụ**

- a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
- b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;
- e. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
- f. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
- g. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
  - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
  - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

### **Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 41. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

### **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 42. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 43. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 44. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

### **Điều 45. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 46. Báo cáo tài chính năm**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng theo quy định của pháp luật được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 47. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 48. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **XVII. CON DẤU**

#### **Điều 49. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 50. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
  - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 51. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **Điều 52. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 54. Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 55. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 55 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần SDP nhất trí thông qua ngày 21 tháng 6 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này được lập thành mười (05) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
  - b. Một (01) bản đăng ký tại cơ quan Đăng ký kinh doanh của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
  - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Họ, tên, chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**TVPT.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Nguyễn Thị Thanh Vân*

*Phạm Trường Tam*

*Đặng Thị Phương Thủy*

*Đinh Mạnh Hưng*

*Đoàn Thị Dung*



CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Số: 03/2026/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2026

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: *Phê duyệt giá trị quyết toán HĐ số XD 01/2016/SH1-PVC-PVSD ngày 25/4/2016 HM khoan cọc xi măng đất NMNĐ Sông Hậu 1 và HĐ số 52/2014/HĐKT/PVC\_PVCTB-PVSD-CCU ngày 01/10/2014 HM thi công cọc BTCT 40x40cm - NMNĐ Thái Bình 2 giữa Công ty cổ phần SDP và Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần SDP;

Căn cứ Quy chế tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 14/2016/QĐ-HĐQT ngày 25/7/2016;

Căn cứ Hợp đồng số XD01/2016/SH1-PVC-PVSD ký ngày 25/4/2016 và các Phụ lục bổ sung đã ký giữa Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Petrocons) và Công ty Cổ phần SDP (SDP);

Căn cứ Hợp đồng số 52/2014/HĐKT/PVC\_PVCTB-PVSD-CCU ngày 01/10/2014 về việc: Thiết kế, lập dự toán, cung cấp lắp đặt kết cấu thép và thi công phần xây dựng 03 kho than kín giữa Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam (Petrocons) và Liên danh nhà thầu Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu Khí Thái Bình/Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu Khí Sông Đà (Nay là Công ty cổ phần SDP)/Công ty TNHH tư vấn Đại học Xây dựng;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình; Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán mục thi công cọc xi măng đất (cọc CDM) Dự án NMNĐ Sông Hậu 1 - Hợp đồng số XD01/2016/SH1-PVC-PVSD ngày 25/4/2016;

Căn cứ Quyết định số 4015/QĐ-CNNL ngày 19/5/2026 Vv Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành NMNĐ Thái Bình 2 của Tập đoàn CN-NL Quốc Gia Việt Nam;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình ngày 30/6/2023; Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán ngày 05/11/2025 về việc: Thiết kế, lập dự toán, cung cấp lắp đặt kết cấu thép và thi công phần xây dựng 03 kho than kín - NMNĐ Thái Bình 2;

Hiện nay hạng mục khoan cọc xi măng đất - Dự án NMNĐ Sông Hậu 1 - Hợp đồng số XD01/2016/SH1-PVC-PVSD và hạng mục thi công cọc BTCT 40x40cm - Dự án Thái Bình 2 - Hợp đồng số 52/2014/HĐKT/PVC\_PVCTB-PVSD-CCU đã nghiệm thu khối lượng hoàn thành và thực hiện Quyết toán hai hạng mục trên. Công ty SDP kính trình ĐHĐCĐ giá trị thực hiện quyết toán của hai hạng mục trên như sau:

1. Hạng mục thi công cọc xi măng đất (cọc CDM) Dự án NMNĐ Sông Hậu 1 - của Hợp đồng số XD01/2016/SH1-PVC-PVSD ngày 25/4/2016:

- Giá trị khối lượng quyết toán (chưa bao gồm thuế VAT): **194.692.401.149 đồng**
- Giá trị khối lượng tạm thanh toán(chưa bao gồm thuế VAT): **222.073.845.387 đồng**
- Giá trị giảm trừ sau Quyết toán theo TT số 10/2019/TT-BXD: **27.381.444.238 đồng**

Nguyên nhân giảm do đơn giá ban đầu của hợp đồng là đơn giá tạm tính áp dụng định mức khoan cọc xi măng đất (CDM) bằng máy khoan theo thông tư số 01/2015/TT-BXD, khi quyết toán Chủ đầu tư/ BQL dự án NMNĐ Sông Hậu 1 theo thông tư số 10/2019/TT-BXD áp dụng định mức khoan 1 cần, 2 cần. Do vậy đơn giá giảm rất nhiều so với đơn giá tạm tính để tạm thanh toán.

**2. Hạng mục thi công cọc BTCT 40x40cm - Dự án Thái Bình 2 - Hợp đồng số 52/2014/HĐKT/PVC\_PVCTB-PVSD-CCU ngày 01/10/2014:**

- Giá trị khối lượng quyết toán (chưa bao gồm thuế VAT): **5.357.124.800 đồng**
- Giá trị khối lượng tạm thanh toán(chưa bao gồm thuế VAT): **18.149.050.354 đồng**
- Giá trị giảm trừ sau Quyết toán: **12.791.925.554 đồng**

Giảm do đơn giá ban đầu của phần xây dựng thi công cọc BTCT 40x40cm của hợp đồng là đơn giá tạm tính áp dụng định mức là AC26223 theo quyết định 1776/BXD-VP ngày 16/8/2007, khi quyết toán theo nội dung Quyết định số 26/QĐ-BĐTB2 ngày 11/4/2025 của Ban Quản lý Điện lực Dầu khí Thái Bình 2/ Tổng thầu Petrocons/ Ban điều hành Dự án NMNĐ Thái Bình 2 về việc phê duyệt vận dụng/áp dụng định mức dự toán một số công tác thi công xây lắp Dự án NMNĐ Thái Bình 2 do Tư vấn Viện Kinh tế Xây dựng thực hiện thì hiện nay chỉ có định mức đơn giá ép cọc BTCT 40x40cm bằng máy ép Robot tự hành 420T được ban hành dựa trên sự vận dụng định mức đơn giá theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2021. Do vậy đơn giá giảm rất nhiều so với đơn giá tạm tính để tạm thanh toán.

Công ty SDP kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua giá trị các Hạng mục nêu trên để Công ty thực hiện ký xác nhận giá trị quyết toán 02 hạng mục trên của Hợp đồng số XD 01/2016/SH1-PVC-PVSD ngày 25/4/2016 và Hợp đồng số 52 /2014/HĐKT/PVC-PVCTB-PVSD-CCU ngày 01/10/2014 đã nghiệm thu khối lượng hoàn thành với Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Petrocons) và thực hiện việc thanh quyết toán 02 Hợp đồng trên giữa hai Bên.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
THÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH**



**PHẠM TRƯỜNG TAM**



CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

----- \*\*\* -----

Số: 01/2026/TTr-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 26... tháng 05... năm 2026

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Thông qua Báo cáo quyết toán năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ của Công ty cổ phần SDP;
- Báo cáo kiểm toán do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C phát hành ngày 26/3/2026;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần SDP trình Đại hội đồng cổ đông thông qua: Báo cáo quyết toán của Công ty năm 2025 như sau:

### I. BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NĂM 2025 CỦA CÔNG TY :

1. Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ:	6.860.428.753 đ
2. Giá vốn hàng bán:	3.490.144.548 đ
3. Lợi nhuận trước thuế:	(610.057.355) đ
4. Tổng cộng tài sản tại ngày 31/12/2025:	137.311.600.412 đ
Tài sản ngắn hạn:	120.353.338.280 đ
Tài sản dài hạn:	16.958.262.132 đ
(Trong đó: Tài sản cố định)	15.880.702.351 đ
5. Nợ phải trả 31/12/2025:	202.817.027.121 đ
6. Nguồn vốn chủ sở hữu:	(65.505.426.709) đ

### II. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2026:

Lợi nhuận trước thuế Công ty là lợi nhuận âm, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông không thực hiện phân phối lợi nhuận do không có nguồn để thực hiện phân phối lợi nhuận.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và dự kiến lợi nhuận trong năm 2026 tiếp tục âm, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông không thực hiện phân phối lợi nhuận do không có nguồn để thực hiện.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
THÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH**



**PHẠM TRƯỜNG TAM**



## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Đc: Ngõ 795 Quang Trung, phường Phú La, quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 043 2216425

Fax: 043.2216423

---

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Quý IV năm 2025*

*Hà Nội, tháng 01 năm 2026*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>148.828.460.784</b>	<b>157.058.729.884</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>75.291.530</b>	<b>1.799.256.585</b>
1. Tiền	111	V.01	75.291.530	1.799.256.585
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.04</b>	<b>37.868.981</b>	<b>37.868.981</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		37.868.981	37.868.981
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>130.685.988.336</b>	<b>135.408.021.230</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	185.749.119.855	192.320.029.214
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.683.849.046	12.700.850.542
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.06	-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	21.530.042.756	19.664.164.795
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(89.277.023.321)	(89.277.023.321)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>17.286.893.895</b>	<b>18.576.582.521</b>
1. Hàng tồn kho	141		23.188.352.552	24.478.041.178
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(5.901.458.657)	(5.901.458.657)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>742.418.042</b>	<b>1.237.000.567</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	-	13.325.756
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		742.418.042	1.223.674.811
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>16.958.262.132</b>	<b>17.429.593.452</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	-
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	V.06	-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15.880.702.351</b>	<b>16.352.033.671</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	15.880.702.351	16.352.033.671
- Nguyên giá	222		26.049.403.468	27.008.458.013
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.168.701.117)	(10.656.424.342)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.03</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.04</b>	<b>1.077.559.781</b>	<b>1.077.559.781</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.577.559.781	2.577.559.781
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>165.786.722.916</b>	<b>174.488.323.336</b>

Các thuyết minh từ trang 06 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>231.292.148.496</b>	<b>239.383.692.690</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>231.292.148.496</b>	<b>239.383.692.690</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	174.537.847.305	179.260.659.876
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	2.659.920.038	2.859.920.038
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	599.484.452	701.633.667
4. Phải trả người lao động	314		297.790.856	304.900.901
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	12	-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	338.448.147	319.061.676
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	37.847.831.776	37.386.588.547
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11a	14.149.128.278	17.566.530.341
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		861.697.644	984.397.644
<b>II. Nợ dài hạn</b>			-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11b	-	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(65.505.425.580)</b>	<b>(64.895.369.354)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>(65.505.425.580)</b>	<b>(64.895.369.354)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.144.720.000	111.144.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.144.720.000	111.144.720.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.412.622.500	25.412.622.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		213.538.854	213.538.854
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.256.346.554	10.256.346.554
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(212.532.653.488)	(211.922.597.262)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(211.922.597.262)	(175.408.582.761)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(610.056.226)	(36.514.014.501)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>165.786.722.916</b>	<b>174.488.323.336</b>

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu



Lê Trần Thị Tuyết Chinh

Kế toán trưởng



Nguyễn Danh Sơn

Tổng Giám đốc



Phạm Trường Tam

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Ngõ 795, Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.  
Điện thoại: 043 2216425 Fax: 043.2216423

Báo cáo tài chính

kết thúc ngày 31/12/2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này		Đơn vị tính: đồng
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
			4	5	6	7	
1	2	3	4	5	6	7	
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	661.632.858	1.914.021.892	6.860.428.753	30.742.664.408	
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.02	-	12.552.412	-	12.552.412	
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		661.632.858	1.901.469.480	6.860.428.753	30.730.111.996	
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.03	389.001.278	1.395.195.530	3.490.144.548	28.899.314.549	
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		272.631.580	506.273.950	3.370.284.205	1.830.797.447	
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	511.446	179.658.520	976.465	183.946.724	
7 Chi phí tài chính	22	VI.05	556.391.569	1.003.847.801	1.522.602.064	2.636.521.040	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		556.391.569	999.244.452	1.517.852.834	2.625.966.460	
8 Chi phí bán hàng	25	VI.08b	-	-	-	-	
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08a	725.539.541	(1.168.108.694)	2.663.331.859	934.688.025	
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.008.788.084)	850.193.363	(814.673.253)	(1.556.464.894)	
11 Thu nhập khác	31	VI.06	-	72.700.000	272.727.273	72.700.000	
12 Chi phí khác	32	VI.07	46.981.182	227.313.195	68.110.246	366.726.670	
13 Lợi nhuận khác	40		(46.981.182)	(154.613.195)	204.617.027	(294.026.670)	
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.055.769.266)	695.580.168	(610.056.226)	(1.850.491.564)	
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-	-	-	
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-	

(Các thuyết minh từ trang 06 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

- 17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 60
- 18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu 70
- 19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu 71

Người lập biểu



Lê Trần Thị Tuyết Chinh

" (1.055.769.266) 698:580.168 63

Kế toán trưởng



Nguyễn Danh Sơn

(610.056.226) (1.850.491.564) (166)

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2026  
 Tổng giám đốc




Phạm Trường Tam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		13.304.518.520	14.940.929.779
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2		(6.282.974.869)	(4.681.843.107)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(1.131.213.190)	(619.937.947)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		-	(93.749.317)
5. Tiền thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		4.109.308.492	876.326.307
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(8.606.936.811)	(2.918.841.393)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.392.702.142</b>	<b>7.502.884.322</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		300.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		520.300	124.575
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>300.520.300</b>	<b>124.575</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.838.841.545	4.610.703.476
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.256.243.608)	(9.893.417.120)
5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.417.402.063)</b>	<b>(5.282.713.644)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1.724.179.621)</b>	<b>2.220.295.253</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.799.256.585</b>	<b>67.997.295</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>214.566</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>75.291.530</b>	<b>2.288.292.548</b>

Người lập biểu



Lê Trần T. Tuyết Chinh

Kế toán trưởng



Nguyễn Danh Sơn

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2026

Tổng giám đốc




Phạm Trường Tam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần SDP- Tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Dầu Khí Sông Đà (sau đây viết tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000131 ngày 24/12/2003 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 15 ngày 26/03/2020, mã số doanh nghiệp là 0500444772.

*Vốn điều lệ: 111.144.720.000 đồng (Một trăm mười một tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)*

Trụ sở chính: Ngõ 795, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

**2. Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, sản xuất công nghiệp và thương mại.****3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Khai thác cát, đá sỏi, đất sét;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, cát, đá, sỏi, kính xây dựng);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (chi tiết: Bán buôn sắt, thép, quặng kim loại, tấm lợp);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (chi tiết: bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan, khí công nghiệp, khí gas);
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bất động sản như dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, tư vấn, môi giới, định giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: Kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (chi tiết: hoạt động trang trí nội thất);
- Xây dựng công trình công ích;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (chi tiết: công nghiệp, công trình thủy lợi, thủy điện, xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV);
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (chi tiết: khách sạn)
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất rượu vang;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế, thiết kế nội thất công trình, lập dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện, thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế quy hoạch xây dựng, xuất nhập các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng nhà nước cấm).

## **II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.
2. Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01/01/2025 kết thúc ngày 31/12/2025.
3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (VND).

## **III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và các Thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo.

2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty Cổ phần SDP, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Hình thức kế toán áp dụng: kế toán trên máy vi tính

## **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

#### **1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.
- Tại thời điểm cuối kỳ tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào tại Ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

**1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:**

- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:****2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:**

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền).**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:****3.1 Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :****4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình**

- Tài sản cố định của Công ty được ghi nhận ban đầu theo Nguyên giá. Trong quá trình sử dụng Tài sản cố định được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

#### 4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính phù hợp theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian KH</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc kiên cố	25 - 50 năm
Máy móc thiết bị	06 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

#### 5. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:** Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không qua 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

#### 6. Chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.
- Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

#### 7. Ghi nhận chi phí trả trước

- Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

**8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

**9. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn:**

- Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch cao hơn hoặc thấp hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phần trong các đợt phát hành.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**11 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt, được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn.

**12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu****12.1 Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu kinh doanh bất động sản được xác định theo số tiền thực tế thu theo tiến độ.

**12.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**12.3 Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành**

- \* Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- \* Các loại thuế khác theo quy định hiện hành

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: Đồng)

01. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt Việt Nam Đồng	22.807.776	43.359.126
- Tiền gửi Ngân hàng	52.483.754	1.755.897.459
+ Tiền gửi Ngân hàng (VND)	49.131.111	1.752.870.569
+ Tiền gửi Ngân hàng (USD, EUR)	3.352.643	3.026.890
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>75.291.530</b>	<b>1.799.256.585</b>
02. Phải thu của khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	179.992.106.189	186.563.015.548
Cơ quan công ty	179.992.106.189	186.563.015.548
- BDH dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	17.933.967.345	22.095.945.957
- TCT ĐTXD & thương mại Anh Phát -	9.816.970.413	9.816.970.413
- BDH dự án thủy điện Sơn La	-	-
- BDH dự án thủy điện Lai Châu	-	-
- Công ty CP XL dầu khí HN	36.626.935.480	36.626.935.480
- Công ty TNHH đầu tư KTKS Sotraco	32.494.593.104	32.494.593.104
- Các khoản phải thu khách hàng khác	83.119.639.847	85.328.570.594
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	5.757.013.666	5.757.013.666
Công ty CP Thủy điện cao nguyên SĐ 7	-	-
Công ty CP đầu tư và TMDK Nghi sơn	433.594.250	433.594.250
Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy DK	5.323.419.416	5.323.419.416
<b>Cộng</b>	<b>185.749.119.855</b>	<b>192.320.029.214</b>
03. Tài sản dở dang dài hạn		

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Ngõ 795, Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Điện thoại: 043 2216425

Fax: 043.2216423

Thuyết minh Báo cáo tài chính

kết thúc ngày 31/12/2025

**04. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>				
- Tổng giá trị cổ phiếu;	37.868.981	37.848.600	37.868.981	37.865.990
Công ty CP Xi măng Hoàng Mai	5.691	2.700	5.691	2.700
TCT CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	0	0	0	0
Công ty CP Xi măng Sông Đà	37.800.000	37.800.000	37.800.000	37.800.000
PVB các cá nhân góp vốn 5.940CP	33.290	37.100	33.290	33.290
BID	30.000	8.800	30.000	30.000
PCT				
SJS				
<b>Cộng</b>	<b>37.868.981</b>	<b>37.848.600</b>	<b>37.868.981</b>	<b>37.865.990</b>

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>b1. Ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
<b>b2. Dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con				
- Đầu tư vào đơn vị khác;	2.577.559.781	1.077.559.781	2.577.559.781	1.077.559.781
Công ty CP thủy điện Đrăk Drinh	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Công ty CP thủy điện Đrăk tih	777.559.781	777.559.781	777.559.781	777.559.781
Công ty CP Bê tông Công nghệ cao				
Công ty CP TC CG& lắp máy dầu khi	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.577.559.781</b>	<b>1.077.559.781</b>	<b>2.577.559.781</b>	<b>1.077.559.781</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Ngõ 795, Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Điện thoại: 043 2216425

Fax: 043.2216423

Thuyết minh Báo cáo tài chính

kết thúc ngày 31/12/2025

**05. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng		Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>21.530.042.756</b>	<b>9.107.795.354</b>	<b>19.664.164.795</b>	<b>9.107.795.354</b>	
- Phải thu người lao động;	19.328.735.247	9.107.795.354	17.462.857.286	9.107.795.354	
- Ký cược, ký quỹ;		-		-	
- Phải thu khác:					
+ Cơ quan công ty	2.201.307.509	2.185.694.030	2.201.307.509	2.185.694.030	
+ Chi nhánh HCM		-		-	

**06 Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		
	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	
<b>6.1 Dự phòng nợ phải thu KH ngắn hạn khó</b>	<b>114.328.669.523</b>	<b>77.991.359.691</b>	<b>114.328.669.523</b>	<b>77.991.359.691</b>	
Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy Dầu	5.323.419.476	5.323.419.476	5.323.419.476	5.323.419.476	
Công ty CP đầu tư xây lắp Dầu khí Sài Gòn	1.886.079.667	1.886.079.667	1.886.079.667	1.886.079.667	
Công ty CP kỹ thuật SEEN	1.649.863.857	1.649.863.857	1.649.863.857	1.649.863.857	
Cty TNHH Hưng Phát	1.259.196.466	1.259.196.466	1.259.196.466	1.259.196.466	
XN xây lắp & SX vật liệu XD số 1 - SICO	2.321.960.636	2.321.960.636	2.321.960.636	2.321.960.636	
Chi nhánh Công ty Sông Đà 4.10	1.850.340.014	1.297.053.814	1.850.340.014	1.297.053.814	
Công ty cổ phần Hàng Kênh	2.934.075.957	2.934.075.957	2.934.075.957	2.934.075.957	
Công ty TNHH đầu tư khai thác khoáng sản	32.494.593.104	32.494.593.104	32.494.593.104	32.494.593.104	
Các đối tượng khác	142.600.500.037	28.825.116.714	142.600.500.037	28.825.116.714	
<b>6.2 Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi:</b>	<b>2.201.307.539</b>	<b>2.192.740.660</b>	<b>3.701.622.817</b>	<b>2.192.740.660</b>	
Lê Văn Cường	266.848.032	266.848.032	266.848.032	266.848.032	
Đào Xuân Dương	128.034.411	128.034.411	128.034.411	128.034.411	
Đoàn Ngọc Long	48.892.105	48.892.105	48.892.105	48.892.105	
Nguyễn Kiến Thiết	72.045.575	72.045.575	72.045.575	72.045.575	
Phùng Xuân Nam	880.461.637	880.461.637	880.461.637	880.461.637	
Cty CP đầu tư PT Long Thành	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	
Các đối tượng khác	305.025.779	296.458.900	1.805.341.057	296.458.900	
<b>6.3 Dự phòng nợ tạm ứng ngắn hạn khó đòi:</b>	<b>17.462.857.286</b>	<b>9.092.922.970</b>	<b>17.491.175.597</b>	<b>9.092.922.970</b>	
Lê Văn Cường	131.013.336	-	131.013.336	131.013.336	
Nguyễn Thế Lanh	872.586.490	872.586.490	872.586.490	872.586.490	

Số cuối kỳ là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Ngõ 795, Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Điện thoại: 043 2216425

Fax: 043.2216423

Phan Văn Mạnh 357.522.291  
 Nguyễn Kiến Thiết 61.200.375  
 Trần Công Vinh 360.730.600  
 Nguyễn Đức Mạnh 93.795.000  
 Các đối tượng khác 15.586.009.194

**Cộng 211.984.194.039**

357.522.291  
 61.200.375  
 360.730.600  
 93.795.000  
 15.614.327.505

**213.512.827.628**

kết thúc ngày 31/12/2025

357.522.291  
 61.200.375  
 360.730.600  
 93.795.000  
 7.216.074.878

**89.277.023.321****124.235.804.307****89.277.023.321****89.277.023.321****89.277.023.321****89.277.023.321****89.277.023.321****89.277.023.321****07 Hàng tồn kho**

- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ
- Chi phí SX, KD dở dang
- Thành phẩm
- Hàng hóa

**Cộng****Số cuối kỳ**

Giá gốc

Dự phòng

**Số đầu năm**

Giá gốc

Dự phòng

17.286.893.895

2.236.069.194

-

-

-

-

5.901.458.657

3.665.389.463

-

-

-

-

**23.188.352.552****5.901.458.657**

-

-

-

-

18.576.582.521

2.236.069.194

-

-

-

-

5.901.458.657

3.665.389.463

-

-

-

-

**24.478.041.178****5.901.458.657**

-

-

-

-

Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Ngõ 795, Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Điện thoại: 043 2216425

Fax: 043.2216423

Thuyết minh Báo cáo tài chính

kết thúc ngày 31/12/2025

**08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	21.553.290.703	2.732.251.731	2.685.815.579	37.100.000		27.008.458.013
- Mua trong kỳ						-
- XDCB hoàn thành						-
- Tặng khác						-
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	21.553.290.703	2.732.251.731	1.726.761.034	37.100.000	-	26.049.403.468
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	4.124.149.050	3.809.359.713	2.685.815.579	37.100.000		10.656.424.342
- Khấu hao trong kỳ			471.331.320			471.331.320
- Tặng khác						-
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán			959.054.545			959.054.545
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	4.124.149.050	3.809.359.713	2.198.092.354	37.100.000	-	10.168.701.117
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày đầu kỳ	17.429.141.653	(1.077.107.982)	-	-	-	16.352.033.671
- Tại ngày cuối kỳ	17.429.141.653	(1.077.107.982)	(471.331.320)	-	-	15.880.702.351

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 15.907.431.695 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.090.389.665 VND

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Ngõ 795, Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Điện thoại: 043 2216425

Fax: 043.2216423

Thuyết minh Báo cáo tài chính

kết thúc ngày 31/12/2025

**09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	-	-	-	70.000.000	86.840.000	156.840.000
- Mua trong kỳ						-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						-
- Tặng do hợp nhất kinh doanh						-
- Tặng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán				70.000.000	86.840.000	156.840.000
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	-	-	-	70.000.000	79.603.326	149.603.326
- Khấu hao trong kỳ					7.236.674	7.236.674
- Thanh lý, nhượng bán				70.000.000	86.840.000	156.840.000
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	7.236.674	7.236.674
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Ngõ 795, Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Điện thoại: 043 2216425

Fax: 043.2216423

Thuyết minh Báo cáo tài chính

kết thúc ngày 31/12/2025

<b>10. Chi phí trả trước</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	<b>13.325.756</b>
- Cơ quan công ty	-	13.325.756
Cp dự án NM nhiệt điện Thái Bình 2	-	-
CP văn phòng tầng 12 Licogi 13	-	-
Đối tượng khác	-	13.325.756
- Chi nhánh HCM	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
- Cơ quan công ty	-	-
Máy tính xách tay Asus Model A515EA	-	-
Máy tính xách tay Acer Aspire	-	-
- Chi nhánh HCM	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>13.325.756</b>

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Ngõ 795, Quang Trung, Phường Phú Lã, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Điện thoại: 043 2216425

Fax: 043.2216423

Thuyết minh Báo cáo tài chính

kết thúc ngày 31/12/2025

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>11. Vay và nợ thuê tài chính</b>						
a) Vay ngắn hạn	14.149.128.278	14.149.128.278	2.838.841.545	6.256.243.608	17.566.530.341	17.566.530.341
<b>Cơ quan Công ty</b>	14.149.128.278	14.149.128.278	2.838.841.545	6.256.243.608	17.566.530.341	17.566.530.341
- BIDV chi nhánh Hà Tây	5.799.128.278	5.799.128.278	2.838.841.545	6.256.243.608	9.216.530.341	9.216.530.341
- Vay Công ty Anh Phát	6.300.000.000	6.300.000.000			6.300.000.000	6.300.000.000
- Vay cá nhân khác	2.050.000.000	2.050.000.000			2.050.000.000	2.050.000.000
Chi nhánh Hồ Chí Minh						
b) Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
<b>Cơ quan Công ty</b>	-	-	-	-	-	-
- BIDV chi nhánh Hà Tây	-	-	-	-	-	-
- Tiền huy động vốn thực hiện dự án	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>14.149.128.278</b>	<b>14.149.128.278</b>	<b>2.838.841.545</b>	<b>6.256.243.608</b>	<b>17.566.530.341</b>	<b>17.566.530.341</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Ngõ 795, Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Điện thoại: 043 2216425

Fax: 043.22

Thuyết minh Báo cáo tài chính

kết thúc ngày 31/12/2025

**12. Chi phí phải trả****Số cuối kỳ****Số đầu năm**

- Cơ quan công ty
- HM Công trình Nhà máy nhiệt điện SH
- HM Công trình Nhà máy nhiệt điện TB
- HM đường Nậm Nhùn NMTĐ Lai Châu
- Lãi vay phải trả
- Các khoản trích trước khác
- Chi nhánh Hồ Chí Minh

**Cộng****13. Phải trả khác****Số cuối kỳ****Số đầu năm**

- a) Ngắn hạn
- Cơ quan công ty
- Kinh phí công đoàn
- Bảo hiểm xã hội
- Bảo hiểm y tế
- Bảo hiểm thất nghiệp
- Các khoản phải trả, phải nộp khác
- Phải trả phải nộp khác

**Cộng****14. Doanh thu chưa thực hiện****Số cuối kỳ****Số đầu năm**

- a) Ngắn hạn
- Doanh thu nhận trước
- + Cho thuê tầng 12 Licogi13
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác

**Cộng**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Ngõ 795, Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Điện thoại: 043 2216425

Fax: 043.22

Thuyết minh Báo cáo tài chính

kết thúc ngày 31/12/2025

**15. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	174.537.847.305	174.537.847.305	179.260.659.876	179.260.659.876
<b>Cơ quan công ty</b>	<b>174.537.847.305</b>	<b>174.537.847.305</b>	<b>179.260.659.876</b>	<b>179.260.659.876</b>
- Công ty TNHH Thành Tiến	8.566.782.550	8.566.782.550	8.566.782.550	8.566.782.550
- Doanh nghiệp tư nhân Huyền An	3.809.472.395	3.809.472.395	3.809.472.395	3.809.472.395
- Công ty TNHH thương mại Thành An	12.786.726.200	12.786.726.200	14.786.726.200	14.786.726.200
- Cty CP Licogi 13	1.880.000.000	1.880.000.000	1.980.000.000	1.980.000.000
- Cty TNHH bê tông và XD Minh Đức	20.626.208.500	20.626.208.500	20.626.208.500	20.626.208.500
- Cty CP cơ khí và lắp máy Việt Nam	9.069.162.311	9.069.162.311	9.569.162.311	9.569.162.311
- Cty CP đầu tư khoáng sản Đại Dương	8.119.251.635	8.119.251.635	8.119.251.635	8.119.251.635
- Công ty cổ phần kỹ thuật SEEN	30.685.110.925	30.685.110.925	30.685.110.925	30.685.110.925
-DNTN thương mại Tân Vũ	11.557.152.325	11.557.152.325	13.657.152.325	13.657.152.325
- Phải trả cho các đối tượng khác	67.437.980.464	67.437.980.464	67.460.793.035	67.460.793.035
<b>Chi nhánh HCM</b>	-	-	-	-
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>1.277.668.036</b>	<b>1.277.668.036</b>	<b>4.227.668.036</b>	<b>4.227.668.036</b>
Công ty TNHH Đầu tư và khai thác KS Sotraco	-	-	2.950.000.000	2.950.000.000
Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy DK	1.277.668.036	1.277.668.036	1.277.668.036	1.277.668.036
<b>Cộng</b>	<b>174.537.847.305</b>	<b>174.537.847.305</b>	<b>179.260.659.876</b>	<b>179.260.659.876</b>

**16. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Cơ quan công ty</b>	<b>2.659.920.038</b>	<b>2.659.920.038</b>	<b>2.859.920.038</b>	<b>2.859.920.038</b>
Trịnh Tuấn Thành	0	0	1.009.800.000	1.009.800.000
Cty CP TCCG lắp máy dầu khí (PVC - ME)	1.009.800.000	1.009.800.000	553.286.200	553.286.200
Công ty cổ phần Sông Đà 4	553.286.200	553.286.200	1.296.833.838	1.296.833.838
Ứng trước của các đối tượng khác	1.096.833.838	1.096.833.838	0	0
<b>Chi nhánh HCM</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.659.920.038</b>	<b>2.659.920.038</b>	<b>2.859.920.038</b>	<b>2.859.920.038</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
a) Phải nộp	1.279.777			1.279.777
Thuế GTGT phải nộp				
Thuế nhập khẩu				
Thuế thu nhập cá nhân	700.353.890	95.082.313	197.231.528	598.204.675
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	2.071.802	2.071.802	-
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>701.633.667</b>	<b>100.154.115</b>	<b>202.303.330</b>	<b>599.484.452</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Ngõ 795, Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Điện thoại: 043 2216425

Fax: 043.2216423

Thuyết minh Báo cáo tài chính

kết thúc ngày 31/12/2025

**18. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu****A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							Tổng cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Vốn khác của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối		
Số dư đầu năm trước	111.144.720.000	25.412.622.500	-	213.538.854	10.256.346.554	(175.408.582.761)	(28.381.354.853)	
- Tăng vốn trong năm trước							-	
- Lãi trong năm trước							-	
- Tăng khác							-	
- Giảm vốn trong năm trước							-	
- Lỗ trong năm trước							-	
- Giảm khác						36.514.014.501	36.514.014.501	
Số dư đầu năm nay	111.144.720.000	25.412.622.500	-	213.538.854	10.256.346.554	(211.922.597.262)	(64.895.369.354)	
- Tăng vốn trong kỳ							-	
- Lãi trong kỳ							-	
- Tăng khác						(610.056.226)	(610.056.226)	
- Giảm vốn trong năm kỳ							-	
- Lỗ trong kỳ							-	
- Giảm khác							-	
Số dư cuối kỳ	111.144.720.000	25.412.622.500	-	213.538.854	10.256.346.554	(212.532.653.488)	(65.505.425.580)	

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

<b>B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vốn góp của công ty mẹ	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	111.144.720.000	111.144.720.000
<b>Cộng</b>	<b>111.144.720.000</b>	<b>111.144.720.000</b>

\* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

-

-

**C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu:**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	111.144.720.000	111.144.720.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	111.144.720.000	111.144.720.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**D. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	111.144.472	111.144.472
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	111.144.472	111.144.472
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>111.144.472</i>	<i>111.144.472</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	111.144.472	111.144.472
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>111.144.472</i>	<i>111.144.472</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

**E Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển;	10.256.346.554	10.256.346.554
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.	213.538.854	213.538.854

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 4 -2025	Quý 4 - 2024
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng;	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;	661.632.858	638.204.638
- Doanh thu hợp đồng xây dựng;	-	1.275.817.254
- Doanh thu khác		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	-	1.275.817.254
<b>Cộng</b>	<b>661.632.858</b>	<b>1.914.021.892</b>
<b>2 Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Quý 4 -2025</b>	<b>Quý 4 - 2024</b>
Trong đó:	-	12.552.412
- Giảm giá hàng bán;	-	12.552.412
- Hàng bán bị trả lại.	-	
<b>3 Giá vốn hàng bán</b>	<b>Quý 4 -2025</b>	<b>Quý 4 - 2024</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán;		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;	389.001.278	119.378.276
- Giá vốn hợp đồng xây dựng;	-	1.275.817.254
- Giá vốn khác	-	
<b>Cộng</b>	<b>389.001.278</b>	<b>1.395.195.530</b>
<b>4 Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Quý 4 -2025</b>	<b>Quý 4 - 2024</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	129.709	2.368.120
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	177.290.400
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;	381.737	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	-	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác.	-	
<b>Cộng</b>	<b>511.446</b>	<b>179.658.520</b>
<b>5 Chi phí tài chính</b>	<b>Quý 4 -2025</b>	<b>Quý 4 - 2024</b>
- Lãi tiền vay;	556.391.569	999.244.452
- Lỗ đầu tư chứng khoán	-	-
- Chi phí tài chính khác;	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	4.603.349
- Hoàn nhập dự phòng	-	
<b>Cộng</b>	<b>556.391.569</b>	<b>1.003.847.801</b>
<b>6 Thu nhập khác</b>	<b>Quý 4 -2025</b>	<b>Quý 4 - 2024</b>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	-	-
- Các khoản khác.	-	72.700.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>72.700.000</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Ngõ 795, Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Điện thoại: 043 2216425

Fax: 043.2216423

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

kết thúc ngày 31/12/2025

	<u>Quý 4 -2025</u>	<u>Quý 4 - 2024</u>
<b>7 Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán		
- TSCĐ	-	-
- Các khoản bị phạt;	46.981.182	227.313.195
- Các khoản khác.	-	-
<b>Cộng</b>	<b>46.981.182</b>	<b>227.313.195</b>
<b>8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Quý 4 -2025</b>	<b>Quý 4 - 2024</b>
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>725.539.541</b>	<b>-1.168.108.694</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	475.086.761	530.023.284
- Chi phí vật liệu quản lý	68.918.783	76.619.103
- Chi phí đồ dùng văn phòng, nhà làm việc	0	0
- Chi phí khấu hao TSCĐ	0	0
- Hoàn nhập dự phòng	0	-2.002.619.423
- Thuế, phí và lệ phí	11.000	0
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.804.997	128.978.743
- Chi phí bằng tiền khác	0	0
- Các khoản chi phí QLDN khác	71.718.000	98.889.599
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Chi phí nhân viên bán hàng		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		
<b>9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Quý 4 -2025</b>	<b>Quý 4 - 2024</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	-	36.267.001.301
- Chi phí nhân công;	-	-
- Chi phí sử dụng máy thi công;	-	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ;		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	353.754.638	17.175.241
- Chi phí khác bằng tiền;	-	-
- Giá vốn hàng hóa xuất bán	-	-
<b>Cộng</b>	<b>353.754.638</b>	<b>36.284.176.542</b>
<b>10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Quý 4 -2025</b>	<b>Quý 4 - 2024</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 Công cụ tài chính****1.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền	75.291.530	75.291.530
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.868.981	37.868.981
- Các khoản phải thu ngắn hạn	219.963.011.657	130.685.988.336

**1.2 Công nợ tài chính**

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**1.3 Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	174.537.847.305		174.537.847.305
- Vay ngắn hạn	14.149.128.278		14.149.128.278
- Vay dài hạn		-	-

**1.4 Tài sản đảm bảo**

Trong kỳ Công ty có dùng một số tài sản để thế chấp vay vốn ngân hàng, cụ thể như sau:

- Khoản vay ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây để sử dụng vào việc mua máy móc thiết bị mới và bổ sung vốn lưu động để thực hiện sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bên thứ ba. Tài sản thế chấp gồm đây chuyển máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bên thứ ba.

**2. Thông tin về các bên liên quan****Bên liên quan**

Công ty TNHH Đầu tư và khai thác khoáng sản Sotraco

**Quan hệ**

Công ty con

**3. Thông tin so sánh**

Số dư đầu năm trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số dư trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty

#### 4. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tiếp theo.

#### 5. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

#### 6. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Quý 4 - 2025	Quý 4 - 2024
<b>1</b> <b>Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn</b>		
<b>1.1</b> <b>Bố trí cơ cấu tài sản (%)</b>		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	10,23%	23,85%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	89,77%	76,15%
<b>1.2</b> <b>Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)</b>		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	139,51%	114,45%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	-39,51%	-14,45%
<b>2</b> <b>Khả năng thanh toán</b>		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	0,72	0,87
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	0,64	0,67
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,57	0,58
<b>3</b> <b>Tỷ suất sinh lời</b>		
<b>3.1</b> <b>Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	-159,57%	36,58%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-159,57%	36,58%
<b>3.2</b> <b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	-0,64%	0,33%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	-0,64%	0,33%

Người lập biểu



Lê Trần T. Tuyết Chinh

Kế toán trưởng



Nguyễn Danh Sơn

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc



Phạm Trường Tam



**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**V/v: Quyết toán thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2025  
và Phương án thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2026**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ của Công ty cổ phần SDP;
- Báo cáo kiểm toán do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C phát hành ngày 26/3/2026;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần SDP trình ĐHĐCĐ thông qua Quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT và BKS Công ty năm 2025 và Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2026 như sau:

**I. Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025:**

Căn cứ vào mục 5b - điều 1 Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ năm 2025 phê duyệt phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty.

Công ty thực hiện quyết toán thù lao HĐQT, BKS cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao được hưởng theo phương án chi trả năm 2025	Mức thù lao đã chi trả năm 2025	Chênh lệch mức thù lao theo phương án
A	B	C	1	2	3=1-2
1	Phạm Trường Tam	TV PT HĐQT	48.000.000	48.000.000	
2	Đình Mạnh Hưng	TV HĐQT	36.000.000	36.000.000	
3	Nguyễn Thị Thanh Vân	TV HĐQT	36.000.000	36.000.000	
4	Vũ Thị Ánh	TV HĐQT	36.000.000	36.000.000	
5	Đặng Thị Phương Thủy	TV HĐQT	36.000.000	36.000.000	
6	Phùng Minh Bằng	TBKS	30.000.000	30.000.000	
7	Ngô Thị Thúy Hương	TV BKS	18.000.000	18.000.000	
8	Ứng Trọng Hải	TV BKS	18.000.000	18.000.000	
	<b>Tổng</b>		<b>258.000.000</b>	<b>258.000.000</b>	

Công ty đã chi trả thù lao HĐQT (bao gồm cả thành viên phụ trách HĐQT) theo mức thành viên HĐQT và thù lao BKS theo phương án.

**II. Phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026:**

TT	Đối tượng được hưởng thù lao	Mức thù lao (Đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	16.000.000
2	Thành viên HĐQT phụ trách	4.000.000
3	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	3.000.000
4	Trưởng Ban Kiểm soát kiêm nhiệm	2.500.000
5	Thành viên Ban kiểm soát	1.500.000

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
THÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH**



**PHẠM TRƯỜNG TAM**



CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2026/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2026

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, thực hiện sự ủy quyền của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Tôi xin kính đề xuất với Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 như sau:

### 1. Tiêu thức lựa chọn kiểm toán độc lập:

- Phải là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được cơ quan chức năng chấp thuận kiểm toán cho Công ty đại chúng.
- Đáp ứng các yêu cầu của Công ty cổ phần SDP (SDP) về phạm vi và tiến độ kiểm toán.
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán.
- Không xung đột các quyền lợi và lợi ích hợp pháp khác khi thực hiện kiểm toán cho SDP (ví dụ: không vừa là Công ty tư vấn tài chính kế toán cho SDP vừa là Công ty kiểm toán báo cáo tài chính).
- Ưu tiên các công ty:
  - + Đã có kinh nghiệm kiểm toán cho SDP hoặc đã kiểm toán các đơn vị có ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh tương tự như SDP.
  - + Có uy tín về chất lượng kiểm toán.

### 2. Đề xuất:

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán nêu trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 theo tiêu chí nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH



PHẠM TRƯỜNG TAM